



QUY ĐỊNH
VỀ CHẾ ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD
Mã số: QT.PC.002

Tháng 12/2025

Q.P.
C
O
CH
V.I.

**QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-TGD ngày 26./12/2025)

CHƯƠNG I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này hướng dẫn về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các quy định pháp luật hiện hành và việc phối hợp quan hệ công tác giữa các cá nhân, đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD ("Công ty") trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.
2. Đối tượng áp dụng:
 - a) Công ty Cổ phần Chứng khoán HD;
 - b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 (sau đây gọi chung là "Thông tư 96");
5. Quy chế Công bố thông tin tại SGDC Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021;
6. Các văn bản pháp luật khác liên quan đến việc hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ công bố thông tin.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 3 Quy định này.
2. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật và bảo đảm:
 - a) Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý;
 - b) Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
3. Ngôn ngữ thông tin công bố thông tin của Công ty gồm Tiếng Việt và Tiếng Anh. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG II.**CHẾ ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN****Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;
3. Tổ chức phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Thông tư 96.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
 - d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật.
2. Việc thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty:
 - a) Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
 - b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định;
 - c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
2. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
3. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.
4. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.
Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm

Quy định về chế độ công bố thông tin

ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền..., các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua thư điện tử đúng thời hạn quy định và thông báo ngay cho Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử để Sở Giao dịch Chứng khoán hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố (nếu cần).

Điều 6. Tài liệu công bố thông tin

1. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản giấy:

- a) Văn bản giấy phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ.
- b) Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ:
 - Đối với văn bản giấy của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;
 - Đối với văn bản giấy của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.

2. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử:

Các đối tượng công bố thông tin gửi thông tin công bố dưới dạng; văn bản, dữ liệu điện tử đến Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử và các hướng dẫn sau:

- a) Văn bản, dữ liệu điện tử có định dạng doc/docx/xls/xlsx/pdf (sử dụng bảng mã Unicode);
- b) Trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán nơi tiếp nhận thông tin công bố có quy định khác về định dạng thông tin công bố thì thực hiện theo quy định tại Sở Giao dịch Chứng khoán đó.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác, tuy nhiên phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 14 Thông tư 96 và các hướng dẫn cụ thể tại Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Công ty phải công bố báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận cùng thời điểm với việc công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 15 Thông tư 96 và các hướng dẫn cụ thể tại Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của Công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
 - b) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của Công ty;

Quy định về chế độ công bố thông tin

- c) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;
 - d) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - e) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh;
 - f) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài;
 - g) Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng;
 - h) Khi Công ty tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
 - i) Khi Công ty bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng.
2. Công khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

- 1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi có thông tin liên quan đến Công ty, chi nhánh ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
- 2. Nội dung thông tin công bố quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động của Công ty

- 1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn: Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
- 2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- 3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ: Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất

Quy định về chế độ công bố thông tin

nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 12. Công bố thông tin khác

1. Công ty phải công bố thông tin hoạt động trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chính thức hoạt động.
2. Công ty phải công bố thông tin tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty về các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của Công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, Công ty phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ.
3. Công ty khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty. Sau khi giao dịch được thực hiện, Công ty phải thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch để khách hàng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điều 33 Thông tư 96.
4. Trường hợp trở thành tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm, Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.
5. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thanh toán tiền mua cổ phiếu cho Công ty theo quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC, Công ty phải công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty về giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc thời hạn nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức phải thanh toán tiền cho công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC.
6. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán phải công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thông báo cho tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch khi giá trị giao dịch trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, bao gồm trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 24 giờ kể từ các thời điểm sau đây:
 - a. Hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC;
 - b. Công ty chứng khoán hoàn tất việc bán cổ phiếu theo quy định tại khoản 9 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC.
1. Ngoài các quy định nêu trên, Công ty phải tuân thủ các nghĩa vụ công bố thông tin khác theo quy định pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán.

Điều 13. Chế độ lưu giữ

Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo như sau:

1. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

CHƯƠNG III.**TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH****Điều 14. Trách nhiệm của người được ủy quyền công bố thông tin**

1. Người được ủy quyền công bố thông tin là đầu mối thu thập các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy định này.
2. Chức năng và nhiệm vụ của người được ủy quyền công bố thông tin:
 - a) Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, mẫn cán, có kiến thức về luật, tài chính và có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cá nhân, đơn vị có liên quan có thể dễ dàng liên hệ;
 - c) Chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán, nhà đầu tư và những người có liên quan theo quy định của pháp luật và Công ty.
3. Điều chỉnh thông tin công bố:
 - a) Trường hợp sau khi thực hiện công bố thông tin, Công ty nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin công bố, người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm thông báo cho các cá nhân, đơn vị có liên quan thực hiện việc kiểm tra, xác minh các thông tin đó trong vòng 48 giờ, kể từ khi nhận được phản hồi.
 - b) Thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng ban trong việc cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin

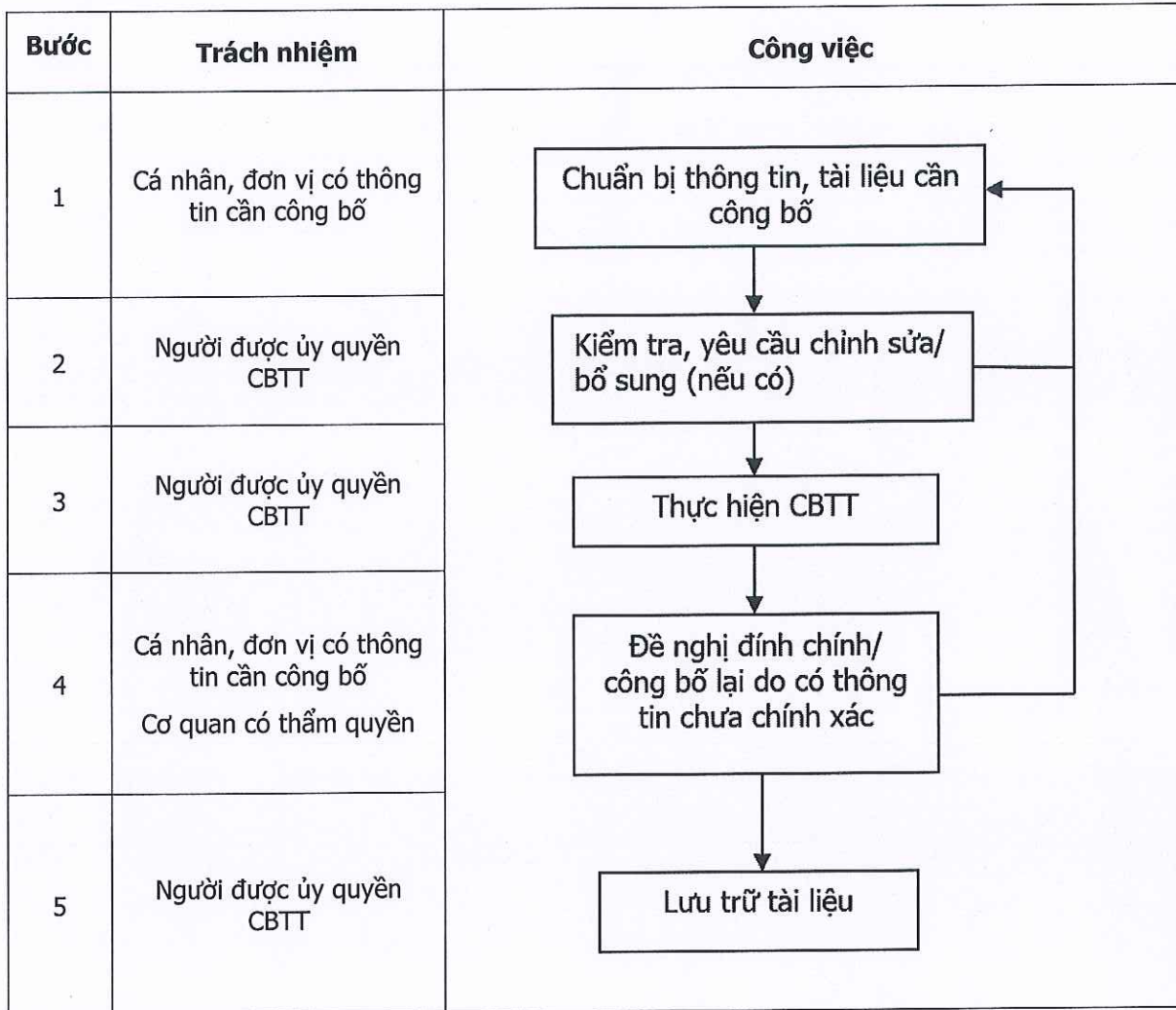
1. Người được ủy quyền công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đơn đốc các Phòng, Ban, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc cung cấp các thông tin theo nội dung và quy trình mô tả tại Phụ lục đính kèm Quy định này.
2. Trưởng các Phòng, Ban, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho cán bộ chuyên trách;
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, Trưởng các Phòng, Ban, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc (nơi phát sinh thông tin cần công bố) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện;
4. Người được ủy quyền công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Tổng Giám đốc khi có yêu cầu.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng trong toàn Công ty. Các phòng/ban/khối tại Hội sở và Chi nhánh/Phòng giao dịch chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.
2. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy định này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật và quy định khác của HDS. Khi có những nội dung nào trong Quy định này trái với quy định của pháp luật thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực.
3. Bất kỳ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung nội dung nào của Quy định do Tổng Giám đốc quyết định.

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD

1. Lưu đồ:



2. Diễn giải lưu đồ:

Bước	Công việc	Trách nhiệm	Cách làm
1	Chuẩn bị thông tin, tài liệu cần công bố	- Cá nhân, đơn vị có thông tin cần công bố	- Cá nhân, đơn vị có thông tin cần công bố chuẩn bị thông tin, tài liệu và gửi email cho Người được ủy quyền CBTT.
2	Kiểm tra và yêu cầu sửa đổi/ bổ sung (nếu có)	- Người được ủy quyền CBTT	- Sau khi nhận được email yêu cầu, Người được ủy quyền CBTT kiểm tra các thông tin, tài liệu cần công bố. ✓ Nếu đầy đủ, hợp lệ, đến Bước 3; ✓ Nếu cần sửa đổi, bổ sung, quay lại Bước 1.
3	Công bố thông tin	- Người được ủy quyền CBTT	- Người được ủy quyền CBTT công bố trên: ✓ Trang thông tin điện tử (website) của Công ty ✓ Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Quy định về chế độ công bố thông tin

			<ul style="list-style-type: none"> ✓ Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán; ✓ Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật.
4	Đề nghị đính chính, công bố lại do có thông tin chưa chính xác	<ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân, đơn vị có thông tin cần công bố - Cơ quan có thẩm quyền 	- Sau khi thông tin, tài liệu được công bố, nếu cá nhân, đơn vị có thông tin cần công bố phát hiện sơ sót hay nhận được đề nghị đính chính, công bố lại của cơ quan có thẩm quyền do có thông tin chưa chính xác, cá nhân/đơn vị đó thực hiện chuẩn bị lại thông tin, tài liệu theo Bước 1.
5	Lưu giữ tài liệu	- Người được ủy quyền CBTT	- Sau khi hoàn tất việc công bố, Người được ủy quyền CBTT thực hiện lưu giữ tài liệu theo chế độ của Công ty.

